TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2026/DS-PT
Ngày: 16 - 03 -2026
V/v "Tranh chấp đòi lại tài sản (tiền)".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trang.

Các Thẩm phán: Bà Hà Thị Phương Thanh

Bà Lê Thị Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Xoàn – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ***: Ông Bùi Trung Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2026/TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2026, về việc: *"Tranh chấp đòi lại tài sản (tiền)"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2025/DS-ST ngày 04/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 270/2026/QĐ-PT ngày 26 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Hoàng P**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã T, thành phố Cần Thơ).

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: Ông **Hồ Kiếm P1**, sinh năm 1961; Địa chỉ: Số C đường L, phường P, thành phố Cần Thơ (Có mặt).

* *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Thành B**, sinh năm 1975 (Có mặt).

Địa chỉ: Số B, ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã H, thành phố Cần Thơ).

Địa chỉ liên lạc: Số E, đường N, phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường S, thành phố Cần Thơ).

* *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã H, thành phố Cần Thơ).

* *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Thành B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng P có đại diện theo uỷ quyền là ông Hồ Kiếm P1 trình bày:*

Trước ngày 17/5/2022 (dương lịch) bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1969, cư ngụ tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng có nợ tiền của nguyên đơn là ông Nguyễn Hoàng P với số tiền vốn là 550.000.000 đồng và sau đó đến ngày 17/5/2022 ông Nguyễn Thành B tự đứng ra nhận trả nợ thay cho bà Nguyễn Thị N số tiền vốn là 550.000.00 đồng mà bà N đã nợ của nguyên đơn, ông B đồng ý đứng ra trả nợ thay cho bà N số tiền này, chính ông B là người đứng ra viết giấy Biên nhận nợ và cam kết sẽ trả số nợ trên thay cho bà N kể từ ngày 17/5/2022 cho nguyên đơn. Tuy nhiên, sau khi viết giấy Biên nhận nợ nêu trên ông B không trả tiền, chỉ hứa hẹn, không chịu trả nợ cho ông P. Tại đơn khởi kiện nguyên đơn đã yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông B phải trả số tiền vốn là 550.000.000 đồng và lãi suất chậm trả là 1.66%/tháng, tạm tính từ ngày 17/5/2022 đến ngày 17/10/2024 là 29 tháng là 550.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 29 tháng = 264.770.000 đồng. Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 814.770.000 đồng và yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi theo lãi suất quy định.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện trước đây là chỉ yêu cầu ông B phải trả cho nguyên đơn số tiền vốn là 550.000.000 đồng và lãi suất chậm trả là 0,83%/tháng, tính từ ngày 17/8/2022 đến ngày 17/8/2025 là 164.340.000 đồng. Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là

714.340.000 đồng và không yêu cầu bị đơn phải tiếp tục trả tiền lãi chậm trả từ ngày 18/8/2025 cho đến ngày Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết xong vụ án.

** Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Nguyễn Thành B đều trình bày:*

Bị đơn không đồng ý trả tiền vốn, tiền lãi cho nguyên đơn Nguyễn Hoàng P theo như nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về số tiền 550.000.000 đồng là do bà Nguyễn Thị N thiếu của nguyên đơn P, chứ không phải bị đơn thiếu tiền của nguyên đơn và bị đơn chỉ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này, đúng là vào ngày 17/5/2022 (dương lịch) bị đơn có trực tiếp viết Biên nhận nợ và ký vào Biên nhận nợ nêu trên. Vì trước đó bị đơn có mua đất của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà N vào năm 2019 với số tiền là 2.600.000.000 đồng với diện tích đất là 52.000m^2 (gồm đất thổ cư và đất trồng lúa nước) còn thiếu tiền của bà N. Sau khi nhận chuyển nhượng đất của gia đình bà N, bị đơn đã được cơ quan Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất toàn bộ thửa đất nêu trên và bị đơn đã đem toàn bộ diện tích đất nêu trên thế chấp tại Ngân hàng TMCP X ở Đồng Nai, bị đơn đã bị Ngân hàng khởi kiện ra Tòa. Hiện nay, tài sản này đang bị phát mãi để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Số tiền 550.000.000 đồng bị đơn đứng ra cam kết trả nợ cho bà N do liên quan đến tài sản là nhà, đất của bị đơn, trước đó bị đơn còn thiếu tiền từ việc mua đất của bà N chưa trả đủ. Tuy nhiên, sau đó ông P đã đứng ra đo đạc diện tích đất thổ cư để cấn trừ nợ số tiền nợ nêu trên, việc ông P đứng ra đo đạc đất để cấn trừ nợ thể hiện tại Giấy chuyển nhượng đất quyền sử dụng đất thổ cư nền nhà cập lộ ngày 19/10/2023 (âm lịch). Vì vậy, bị đơn không đồng ý trả số tiền nêu trên. Đối với số tiền 550.000.000 đồng bị đơn không trực tiếp nhận tiền mà chỉ đứng ra cam kết trả nợ thay cho bà N thôi.

** Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị N đều trình bày*:

Vào năm 2019 bà Nguyễn Thị N đã bán Thửa đất số 84 có diện tích 52.000m^2 (bao gồm đất ruộng và đất thổ cư) với giá bán là 2.600.000.000 đồng cho ông Nguyễn Thành B, hiện tại ông B đã được cơ quan Nhà nước cấp giấy chứng nhận toàn bộ thửa đất nêu trên. Tiếp đó, ông B đã dùng tài sản này để thế chấp tại Ngân hàng. Do ông B chưa trả đủ số tiền cho bà, nên bà còn giữ lại diện tích đất nhà ở, giữa bà và ông B có thỏa thuận miệng là khi nào ông B chuộc lại

bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, ông B sẽ có trách nhiệm tách phần diện tích đất thổ cư trả lại cho bà N.

Bà N bắt đầu vay tiền của nguyên đơn Nguyễn Hoàng P vào năm 2020, trong đó tiền vốn là 300.000.000 đồng, còn tiền lãi là 250.000.000 đồng, tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 550.000.000 đồng. Sau khi vay tiền của nguyên đơn P, nguyên đơn có nhiều lần đến nhà của bà để đòi nợ, nhưng bà không có tiền để trả cho ông P. Do trước đó bà có bán đất cho ông B, giữa bà và ông B có thỏa thuận là ông B sẽ đứng ra trả nợ thay cho bà, ông B đồng ý. Vào ngày 17/5/2022 ông B tự tay viết giấy biên nhận nợ cho ông P, tại biên nhận nợ này ông B cam kết sẽ trả số nợ mà bà N đã nợ của ông P thay cho bà. Ngày ông B viết biên nhận nợ, bà có trực tiếp chứng kiến và ký tên với tư cách là người làm chứng. Tiếp đó, ngày 19/10/2023 nguyên đơn P có đến nhà của bà, tự đo đất để cấn trừ số tiền nợ nêu trên. Nếu ông P không lấy diện tích đất đã đo đạc vào ngày 19/10/2023 bà sẽ đứng ra bán phần đất này, để lấy tiền trả nợ cho ông P.

Đối với bà Lý Thị C người ký tên trong biên nhận cũng là chủ nợ của bà, trước đây bà C cũng đã lấy đất để cấn trừ nợ. Nay ông P yêu cầu ông B phải trả nợ cho ông P, bà đồng ý đứng ra trả nợ cho ông P nhưng chỉ đồng ý trả số tiền là 550.000.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi chậm trả như nguyên đơn yêu cầu.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2025/DS-ST ngày 09/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Cần Thơ đã tuyên xử*:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Nguyễn Hoàng P.

Buộc bị đơn là ông Nguyễn Thành B phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn là ông Nguyễn Hoàng P số tiền tổng cộng là 714.340.000 đồng (trong đó tiền vốn gốc là 550.000.000 đồng và tiền lãi là 164.340.000 đồng) theo Biên nhận nợ ngày 17/5/2022 mà bị đơn đã cam kết trả nợ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/9/2025, bị đơn ông Nguyễn Thành B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, cụ thể: Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét đưa N là tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn; bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đồng thời xem xét thẩm định giao phần đất mà bà N cho ông P toạ lạc tại ấp M, xã H, thành phố Cần Thơ để trừ nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

* *Đại diện bị đơn kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm*: Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét thay đổi buộc đưa bà N là bị đơn vì số nợ này ông nhận trả nợ thay cho bà N; bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đồng thời xem xét việc bà N đề nghị giao phần đất nhà ở mà ông P đã cấm cọc để cấn trừ đi số tiền nợ ông đã nhận bảo đảm. Giấy tờ đất hiện ông đang thế chấp ở Ngân hàng khi nào cần ông sẽ hỗ trợ để ông P tách giấy tờ đối với diện tích đất nhà ở mà bà N giao.

* *Bà Nguyễn Thị N xác định*: thực tế bà là người nợ ông P, nhưng lúc ông B đứng ra bảo lãnh nhận nợ thay vì thời điểm đó ông B còn nợ bà tiền đất; sau đó chính ông P đã đến đo đất, cấm cọc ngang 14m, dài 40m nên bà đề nghị ông P nhận đất cấn trừ nợ. Nếu không nhận đất thì bà chỉ đồng ý trả số tiền ông B ký bảo đảm, không đồng ý trả lãi.

* *Đại diện của nguyên đơn cho rằng*: Do phần đất của bà N đã chuyển sang tên cho ông B nên ông B đã ký nhận nợ thì phải thực hiện trả nợ. Ông không đồng ý nhận đất vì giấy tờ không rõ ràng và còn chồng chéo. Ông đề nghị giữ Y bản án sơ thẩm.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:*

- *Về thủ tục tố tụng*: Từ khi thụ lý theo thủ tục phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay, đương sự và Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn kháng cáo về hình thức và thời hạn kháng cáo là đúng theo quy định tại Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo là hợp lệ.

- *Về nội dung giải quyết vụ án*: Qua diễn biến tại phiên tòa và qua đối chiếu tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, trên cơ sở ý kiến trình bày của các đương sự,

Xét kháng cáo của bị đơn về việc yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét đưa bà N là bị đơn là không có căn cứ, vì nguyên đơn chỉ kiện ông B với tư cách bị đơn, bà N chỉ là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn phải trả tiền vốn, lãi theo Biên nhận nợ do chính bị đơn đã viết do ông B là người viết biên nhận, bà N trực tiếp chứng kiến và ký tên người làm chứng. Do đó cấp sơ thẩm nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì thêm mới nên không có cơ sở để xem xét đánh giá.

Từ những phân tích trên, đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Giữ Y bản án sơ thẩm theo hướng đã phân tích nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp đòi lại tài sản (tiền)" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án tại Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự như án sơ thẩm là phù hợp. Toà án nhân dân Khu vực 6 – Cần Thơ (trước sáp nhập là Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng) theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục kháng cáo*: Sau khi xét xử xong bị đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm. Đương sự kháng cáo trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí nên hợp lệ về mặt hình thức. Để xét kháng cáo, cần đánh giá khách quan toàn diện nội dung, cần thiết phải xem xét lại toàn bộ hồ sơ các bên.

Lần lượt phân tích từng vấn đề liên quan:

[3] Xét kháng cáo của bị đơn về việc yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét đưa bà N là bị đơn là không có căn cứ, vì nguyên đơn chỉ kiện ông B với tư cách bị đơn, bà N được xác định là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của ông B.

[4] Bị đơn không đồng ý trả tiền vốn, lãi cho nguyên đơn vì số tiền 550.000.000 đồng là bà N thiếu tiền của nguyên đơn, không phải bị đơn thiếu tiền của nguyên đơn, nên bị đơn chỉ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[4.1] Xét thấy, tại nội dung yêu cầu khởi kiện nguyên đơn khởi kiện bị đơn phải trả tiền vốn, lãi theo Biên nhận nợ do chính bị đơn Bé đã viết và Tòa án xác định ông B là bị đơn căn cứ vào Điều 5 và Khoản 3 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật như án sơ thẩm xác định là phù hợp.

[4.2] Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm hôm nay bị đơn thừa nhận vào ngày 17/5/2022 (dương lịch) bị đơn trực tiếp viết Biên nhận nợ, việc viết biên nhận nêu trên xuất phát từ việc năm 2019 bị đơn có mua diện tích đất là 52.000m^2 (gồm đất thổ cư và đất trồng lúa nước) với giá là 2.600.000.000 đồng của bà N nhưng chưa trả đủ số tiền mua đất cho bà N và có cam kết trả số tiền 550.000.000 đồng thay cho bà N.

[4.3] Tuy nhiên, bị đơn không đồng ý thực hiện đúng nội dung tại biên nhận nợ ngày 17/5/2022 vì bị đơn cho rằng vào ngày 19/10/2023 giữa ông P và bà N đã có sự thỏa thuận đo đất cấn trừ nợ thể hiện tại Giấy chuyển nhượng đất quyền sử dụng đất thổ cư nền nhà cặp lộ. Thấy rằng tại nội dung của Giấy chuyển nhượng nêu trên chỉ thể hiện việc bà N bán đất cho nguyên đơn.

[4.4] Bên cạnh đó, tại nội dung của giấy chuyển nhượng không thể hiện được việc chuyển nhượng đất này là để cấn trừ số tiền 550.000.000 đồng hoặc thay thế cho biên nhận nợ ngày 17/5/2022 mà bị đơn Bé đã viết. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đều không có yêu cầu giải quyết tranh chấp liên quan đến Giấy chuyển nhượng đất quyền sử dụng đất thổ cư nền nhà cập lộ ngày 19/10/2023 (âm lịch). Nếu sau này có phát sinh tranh chấp các đương sự có thể khởi kiện bằng một vụ án khác.

[4.5] Riêng đối với việc ông B và bà N có thỏa thuận bằng lời nói việc ông B đứng ra trả nợ thay cho bà N, nếu sau này các bên có xảy ra tranh chấp ông B và bà N sẽ có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác tại Toà án có thẩm quyền để giải quyết.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, bà N đề nghị ông P nhận đất cấn trừ nợ. Nếu không nhận đất thì bà chỉ đồng ý trả số tiền ông B ký bảo đảm, không đồng ý trả lãi. Phía đại diện nguyên đơn cũng không đồng ý nhận đất nên nếu sau này trong giai đoạn thi hành án các bên có quyền thỏa thuận và lúc đó cần sự hỗ trợ về thủ tục giấy tờ của ông B để tách thửa nên cấp phúc thẩm cũng không đặt ra xem xét vấn đề này. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án bà N đều không có yêu cầu độc lập đối tờ Giấy chuyển nhượng đất quyền sử dụng đất thổ cư nền nhà cập lộ đề ngày 19/10/2023 nếu sau này có tranh chấp thì các đương sự đều có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[6] Như đã phân tích bị đơn kháng cáo nhưng không đưa ra chứng cứ nào thêm mới nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo.

[7]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên bị đơn phải chịu án phí.

[8]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát như đã nêu trên là phù hợp với nhận định nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thành B: Giữ Y Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2025/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cần Thơ.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Nguyễn Hoàng P.

1.1. Buộc bị đơn là ông Nguyễn Thành B phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn là ông Nguyễn Hoàng P số tiền tổng cộng là 714.340.000 đồng (trong đó tiền vốn gốc là 550.000.000 đồng và tiền lãi là 164.340.000 đồng) theo Biên nhận nợ ngày 17/5/2022 mà bị đơn đã cam kết trả nợ.

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Bé chịu là 32.573.600 đồng (Ba mươi hai triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm đồng).

Nguyên đơn không phải chịu án phí. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.350.000 đồng (Hai mươi triệu ba trăm năm mươi đồng) theo biên lai số 0005822 ngày 05/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn Nguyễn Thành B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chuyển tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số

0003897 ngày 30/9/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 16/3/2026).

Nơi nhận:
- VKSND TP. Cần Thơ;
- TAND Khu vực 6 - Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Thị Minh Trang